

Số: 30/2025/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phân định nhiệm vụ chi và mức chi về bảo vệ môi trường
cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017//TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 583/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân định nhiệm vụ chi và mức chi về bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 590/BC-HĐND ngày 18 tháng 12

năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết phân định nhiệm vụ chi và mức chi về bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phân định nhiệm vụ chi và mức chi về bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2017//TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh (gọi chung là cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là cấp xã).

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Chương II NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Mục 1 NHIỆM VỤ CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 2. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của địa phương;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc tỉnh quản lý.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường (bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường):

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của tỉnh; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn (không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15);

b) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước;

c) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

3. Trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

a) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh;

b) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch tỉnh (bao gồm: vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định).

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của tỉnh;

b) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 của Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 (trừ điểm d và điểm g khoản 3 Điều 73 của Luật số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14; trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của tỉnh, bao gồm: quan trắc, thống kê, quản lý thông tin, dữ liệu về đa dạng sinh học; xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; tổ chức xây dựng báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học, báo cáo hiện trạng khu bảo tồn; xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học;

c) Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, cấp lĩnh vực; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; theo dõi, giám sát, thẩm định kết quả

kiểm kê khí nhà kính các cơ sở trong phạm vi quản lý; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của tỉnh;

d) Hoạt động phát triển thị trường các-bon trong nước trên địa bàn tỉnh;

đ) Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu của tỉnh;

e) Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính trên địa bàn tỉnh.

6. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm: truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật.

7. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đề xuất của cơ quan Trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn;

b) Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm cấp tỉnh (đối ứng các dự án vốn viện trợ thuộc sự nghiệp môi trường).

8. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của địa phương;

b) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh;

c) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, kênh rạch trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, kênh rạch trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn;

d) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường cấp tỉnh;

e) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường cấp tỉnh;

g) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

i) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 3. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo

1. Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 73 của Luật số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 về hoạt động bảo tồn trên địa bàn tỉnh.

2. Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của tỉnh.

Điều 4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Điều 5. Chi quản lý hành chính

1. Đánh giá, tổng thể và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều phối, Tổ công tác liên ngành, các Ủy ban, các Hội đồng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền thành lập; tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ cho hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 6. Chi các hoạt động kinh tế

Quản lý khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của Nhà nước.

Mục 2

NHIỆM VỤ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Điều 7. Chi đầu tư phát triển

1. Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải.

2. Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm của tỉnh.

3. Dự án đầu tư (theo quy định của Luật số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15) xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn tỉnh; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm xử lý của tỉnh.

4. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm: các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu trữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do địa phương quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ.

Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của địa phương; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh theo dự án đầu tư.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm: đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 thuộc trách nhiệm của tỉnh; đầu tư dự án phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc nhiệm vụ của tỉnh.

6. Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo thẩm quyền quy định của pháp luật (đối ứng các dự án vốn viện trợ thuộc nguồn đầu tư).

7. Cấp vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho quỹ bảo vệ môi trường tỉnh.

Chương III

NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Mục 1

NHIỆM VỤ CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 8. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

b) Tổ chức triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường (bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường):

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã;

b) Xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, kênh, rạch trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã;

c) Hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã.

4. Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm: Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 của Luật số

20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 (trừ điểm d và điểm g khoản 3 Điều 73 của Luật số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14; trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học), bao gồm: xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.

6. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm: truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật.

7. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường: Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật (đối ứng các dự án vốn viện trợ thuộc nguồn sự nghiệp môi trường).

8. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Xây dựng, điều chỉnh chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của địa phương;

b) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh;

c) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

d) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường; quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường;

đ) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

e) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

g) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định; các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi

khí hậu có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật;

h) Xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường;

i) Hoạt động thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền phê duyệt của cấp xã.

9. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải.

Điều 9. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo

Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm cấp xã.

Điều 10. Chi quản lý hành chính

1. Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều phối về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp xã và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Mục 2

NHIỆM VỤ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Điều 11. Chi đầu tư phát triển

1. Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải thuộc trách nhiệm quản lý. Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ.

2. Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm cấp xã; thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường làng nghề.

3. Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 thuộc trách nhiệm của cấp xã.

Chương IV
MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 12. Mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Chi phí lập nhiệm vụ, dự án: thực hiện theo quy định tại mục 1 Phụ lục số 1 và mục 1 Phụ lục số 2 Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC.

2. Hợp Hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có):

a) Chủ tịch Hội đồng: 500.000 đồng/người/buổi;

b) Thành viên, thư ký: 300.000 đồng/người/buổi;

c) Đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi;

d) Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: 500.000 đồng/bài viết;

đ) Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng: 300.000 đồng/bài viết.

Không tính chi hợp Hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hằng năm.

3. Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết): 500.000 đồng/Bài viết (Trường hợp không thành lập Hội đồng).

4. Điều tra, khảo sát:

a) Lập mẫu phiếu điều tra: 500.000 đồng/phiếu mẫu được duyệt;

b) Chi cho đối tượng cung cấp thông tin: cá nhân: 50.000 đồng/phiếu; tổ chức: 100.000 đồng/phiếu;

c) Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài): mức tiền công 1 người/ngày bằng 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày) cho người/ngày công;

d) Chi người hướng dẫn: 100.000 đồng/người/ngày (áp dụng cho điều tra tại khu vực vùng sâu cần có người địa phương hướng dẫn).

5. Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:

a) Nhiệm vụ: cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã: 3.000.000 đồng/báo cáo;

b) Dự án: cấp tỉnh: 12.000.000 đồng/cáo cáo; cấp xã: 10.000.000 đồng/cáo cáo.

6. Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác thuộc cấp

tính theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có).

- a) Chủ tịch Hội đồng: 700.000 đồng/người/buổi;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có): 600.000 đồng/người/buổi;
- c) Ủy viên, thư ký Hội đồng: 300.000 đồng/người/buổi;
- d) Đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi;
- đ) Bài nhận xét của ủy viên phản biện: 500.000 đồng/bài viết;
- e) Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng (nếu có): 300.000 đồng/bài viết;
- g) Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03 bài viết): 400.000 đồng/bài viết.

7. Hội thảo khoa học (nếu có):

- a) Người chủ trì: 500.000 đồng/người/buổi hội thảo;
- b) Thư ký hội thảo: 300.000 đồng/người/buổi hội thảo;
- c) Đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi hội thảo;
- d) Báo cáo tham luận: 350.000 đồng/báo cáo.

8. Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ:

- a) Nghiệm thu nhiệm vụ: Chủ tịch Hội đồng: 400.000 đồng/người/buổi; thành viên, thư ký: 200.000 đồng/người/buổi;
- b) Nghiệm thu dự án: Chủ tịch Hội đồng: 700.000 đồng/người/buổi; thành viên, thư ký Hội đồng: 400.000 đồng/người/buổi; nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: 500.000 đồng/bài viết; nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng (nếu có): 400.000 đồng/bài viết; đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi.

Các nội dung chi khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC.

Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện


Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách các cấp theo phân cấp hiện hành và nguồn vốn xã hội hoá (trừ các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b khoản 8 Điều 2; điểm a, b khoản 8 Điều 8; các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực an ninh quốc phòng, nhiệm vụ thực hiện cần bảo đảm bí mật nhà nước).

Điều 14. Điều khoản thi hành


1. Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. / 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBNDTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Châu Thị Mỹ Phương